

# **NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI CỦA CHẾ ĐỊNH CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG, NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ**

**ThS. NGUYỄN CÔNG BÌNH \***

**C**hế định cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự là chế định lớn của pháp luật tố tụng dân sự quy định về nhiều vấn đề khác nhau. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin trao đổi về những quy định mới của chế định cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự trong BLTTDS.

## **1. Cơ quan tiến hành tố tụng dân sự**

Cơ quan tiến hành tố tụng là cơ quan nhà nước, thực hiện quyền lực của Nhà nước tiến hành giải quyết vụ việc dân sự. Khác với các văn bản pháp luật tố tụng dân sự được ban hành trước, BLTTDS đã quy định khá cụ thể cơ quan nào là cơ quan tiến hành tố tụng, quyền hạn, nhiệm vụ của từng cơ quan tiến hành tố tụng. Điều 39 BLTTDS quy định các cơ quan tiến hành tố tụng dân sự gồm có: Toà án và viện kiểm sát.

- Toà án nhân dân là cơ quan tiến hành tố tụng dân sự chủ yếu, có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết vụ việc dân sự. Tại các điều 6, 10, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32; 85; 95; 99; 101; 146; 167; 168; 174; 180; 182; 380; 382 và một số điều luật khác của BLTTDS đã quy định cụ thể quyền hạn, nhiệm vụ và trách của toà án trong việc giải quyết vụ việc dân sự. Theo đó, toà án nhân dân có

nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý vụ việc dân sự hoặc trả lại đơn khởi kiện; lập hồ sơ vụ việc dân sự; hoà giải vụ án dân sự; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; tổ chức các phiên toà dân sự để xét xử các vụ án dân sự, phiên họp giải quyết việc dân sự; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng và những người liên quan; giải thích bản án, quyết định của toà án v.v.. Trong đó, nhiều vấn đề mới được BLTTDS quy định:

+ Toà án phải tôn trọng nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân khi tiến hành tố tụng; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi của mình và chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do hành vi trái pháp luật của những người tiến hành tố tụng gây ra cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức (Điều 13);

+ Toà án có thẩm quyền giải quyết các vụ việc phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và hoạt động của trọng tài thương mại theo thủ tục tố tụng dân sự (Điều 25 đến Điều 32); hầu hết các vụ việc dân sự toà

\* Giảng viên chính Khoa luật dân sự  
Trường đại học luật Hà Nội

án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết, toà án cấp tỉnh chỉ giải quyết những vụ việc mà việc giải quyết có tính chất phức tạp như vụ việc có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài cần phải uỷ thác tư pháp cho lãnh sự ở Việt Nam ở nước ngoài hoặc cho toà án nước, tranh chấp quy định tại điểm k, l, m, n, o khoản 1 Điều 29 BLTTDS... (Điều 33, Điều 34);

+ Các đương sự, cá nhân, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khác có quyền, nghĩa vụ cung cấp cho toà án các chứng cứ, toà án chỉ tiến hành thu thập chứng cứ khi đương sự không tự mình thu thập được và có yêu cầu toà án thu thập (Điều 6);

+ Trong trường hợp toà án tự mình quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá hoặc quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác hay vượt quá với yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc người thứ ba thì phải bồi thường cho người bị hại (Điều 101);

+ Toà án phải nhận đơn do đương sự nộp trực tiếp tại toà án hoặc gửi qua bưu điện để xem xét thụ lý giải quyết; nếu trả lại đơn khởi kiện thì toà án phải có văn bản ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện (Điều 167, Điều 168);

+ Toà án có nghĩa vụ giải thích bản án, quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu khi nhận được yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, lợi ích liên quan đến việc thi hành án hoặc cơ

quan thi hành án (Điều 382).

Những quy định mới của BLTTDS về toà án đã tạo ra sự thay đổi căn bản về địa vị pháp lý của toà án trong tổ tụng dân sự. Việc thực hiện đúng các quy định này bảo đảm cho việc giải quyết nhanh chóng, đúng đắn các vụ việc dân sự.

- Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan tiến hành tố tụng có nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự. Khác với các quy định trước đây của pháp luật, BLTTDS không quy định viện kiểm sát có quyền khởi tố, điều tra vụ việc dân sự và tham gia tất cả các phiên toà dân sự như trước. Theo quy định tại các điều 21, 39, 146, 207, 252, 262, 292, 379 và một số điều luật khác của BLTTDS viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự; yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị các bản án, quyết định của toà án theo quy định của pháp luật; tham gia phiên toà; kháng nghị bản án, quyết định của toà án theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm v.v.. Trong đó, có một số vấn đề mới được quy định trong BLTTDS:

+ Viện kiểm sát phải tôn trọng nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi của mình (Điều 13);

+ Viện kiểm sát có quyền yêu cầu toà án xác minh, thu thập chứng cứ trên cơ sở khiếu nại của đương sự. Trong trường hợp cần thiết thì viện kiểm sát có quyền yêu cầu đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức cung

cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng để bảo đảm cho việc thực hiện việc kháng nghị theo thẩm quyền (Điều 85);

+ Viện kiểm sát tham gia các phiên toà xét xử vụ án dân sự trong trường hợp toà án tiến hành thu thập chứng cứ mà đương sự có khiếu nại, các việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án, các vụ việc dân sự mà viện kiểm sát kháng nghị bản án, quyết định của toà án (Điều 21, Điều 313);

+ Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét khởi tố vụ án hình sự đối những người có hành vi cản trở hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng, những người vi phạm nội quy phiên toà (Điều 388);

+ Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự; yêu cầu, kiến nghị đối với toà án cùng cấp và cấp dưới, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm để bảo đảm việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có căn cứ, đúng pháp luật (Điều 404).

Những quy định mới đó của BLTTDS đã xác định đúng được vị trí, vai trò của viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng dân sự, tránh được sự lẫn lộn trong việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước. Mặt khác, tạo điều kiện để viện kiểm sát thực hiện tốt hơn chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động tư pháp, bảo đảm cho các hoạt động tố tụng thực hiện đúng đắn.

## **2. Người tiến hành tố tụng dân sự**

Người có nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

tiến hành tố tụng được gọi là người tiến hành tố tụng. Khác với các quy định của các văn bản pháp luật được ban hành trước, BLTTDS quy định rõ thành phần những người tiến hành tố tụng dân sự gồm có: Chánh án toà án, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư kí toà án, viện trưởng viện kiểm sát và kiểm sát viên (Điều 13). Bên cạnh đó, BLTTDS còn quy định rất cụ thể quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng dân sự; việc thay đổi người tiến hành tố tụng dân sự.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của những người tiến hành tố tụng, BLTTDS quy định có một số điểm mới sau:

+ Chánh án toà án có nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức giải quyết các vụ việc dân sự; quyết định phân công thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư kí toà án giải quyết vụ việc dân sự; quyết định việc thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư kí toà án, người giám định, người phiên dịch trước khi mở phiên toà; ra các quyết định tố tụng và tiến hành các hoạt động tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật (các điều 40, 172, 125, 257, 285, 382, 401);

+ Thẩm phán có nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành lập hồ sơ vụ việc dân sự; quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết vụ việc dân sự; hoà giải vụ án dân sự để các đương sự thoả thuận với nhau về giải quyết vụ án; ra quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự;

quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử và quyết định đưa việc dân sự ra giải quyết; quyết định triệu tập những người tham gia phiên toà xét xử vụ án dân sự, phiên họp giải quyết việc dân sự; tham gia hội đồng xét xử vụ án dân sự, giải quyết việc dân sự và tiến hành các hoạt động tố tụng dân sự khác cần thiết để giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật (các điều 40, 172, 125, 257, 285, 382, 401);

+ Hội thẩm nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự trước khi mở phiên toà; đề nghị chánh án toà án, thẩm phán ra các quyết định cần thiết thuộc thẩm quyền; tham gia hội đồng xét xử các vụ án dân sự; tiến hành các hoạt động tố tụng và biểu quyết giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của hội đồng xử khi xét xử vụ án dân sự (các điều 11, 12, 42, 222, 236);

+ Thư kí toà án các có nhiệm vụ, quyền hạn chuẩn bị các công việc nghiệp vụ cần thiết cho việc mở phiên toà; phổ biến nội quy phiên toà; báo cáo với hội đồng xét xử những người được triệu tập đến tham gia phiên toà ai vắng mặt, có mặt; ghi các biên bản tố tụng như biên bản phiên toà, biên bản hoà giải và thực hiện các hoạt động tố tụng khác theo sự phân công của chánh án toà án, thẩm phán (các điều 43, 148, 186, 211);

+ Viện trưởng viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự; quyết định phân công kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân

sự, tham gia phiên toà xét xử vụ án dân sự, phiên họp giải quyết việc dân sự; quyết định việc thay đổi kiểm sát viên trước phiên toà; kiểm tra hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự của kiểm sát viên; kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của toà án theo quy định của pháp luật; giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật (các điều 44, 51, 285, 307, 395);

+ Kiểm sát viên có nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát việc tuân theo pháp luật của toà án trong việc giải quyết vụ việc dân sự; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng trong việc tham gia tố tụng; kiểm sát các bản án, quyết định của toà án; tham gia phiên toà xét xử vụ án dân sự, phiên họp giải quyết việc dân sự và phát biểu ý kiến của viện kiểm sát về việc giải quyết vụ việc dân sự và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác thuộc thẩm quyền của viện kiểm sát theo sự phân công của viện trưởng viện kiểm sát (các điều 45, 207, 234, 271).

- Về việc thay đổi những người tiến hành tố tụng dân sự, BLTTDS có một số điểm mới về thủ tục thay đổi người tiến hành tố tụng. Theo đó, việc từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng trước khi mở phiên toà phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ lý do và căn cứ của việc từ chối hoặc của việc đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng; tại phiên toà phải được ghi vào biên bản phiên toà (Điều 50). Nếu người phải thay đổi là chánh án toà án thì phải do

chánh án toà án cấp trên quyết định, nếu người tiến hành tố tụng phải thay đổi là viện trưởng viện kiểm sát thì phải do viện trưởng viện kiểm sát cấp trên quyết định (Điều 51). Ngoài ra, BLTTDS còn quy định việc thay đổi người tiến hành tố tụng là thành viên của hội đồng xét xử trong trường hợp đặc biệt (Điều 198).

Những quy định mới của BLLTTDS về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng đã đề cao địa vị pháp lý của họ trong tố tụng dân sự, bảo đảm bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của những người tiến hành tố tụng được đúng đắn. Ngoài ra, còn bảo đảm nâng cao được hiệu quả của công tác giải quyết các vụ việc dân sự.

### **3. Người tham gia tố tụng dân sự**

Người tham gia tố tụng dân sự là người tham gia vào việc giải quyết vụ việc dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hay của người khác hoặc hỗ trợ toà án trong việc giải quyết vụ việc dân sự. Hoạt động tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự chịu sự chi phối bởi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo các quy định tại Chương IV của BLTTDS thì những người tham gia tố tụng có thể là cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia tố tụng với tư cách là đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định và người phiên dịch.

- Về đương sự trong tố tụng dân sự, BLTTDS quy định có những điểm mới sau:

+ Ngoài việc quy định rõ thành phần

của đương sự, Điều 56 BLTTDS còn quy định cả định nghĩa về đương sự. Trong đó, có quy định đáng chú ý: “Cơ quan, tổ chức khởi kiện để yêu cầu toà án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách cũng là nguyên đơn”.

+ Điều 57 BLTTDS quy định rõ định nghĩa về năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự. Theo khoản 1 Điều 57 BLTTDS thì mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức có năng lực pháp luật tố tụng như nhau trong việc yêu cầu toà án bảo vệ quyền lợi của mình. Theo khoản 3, khoản 6 Điều 57 BLTTDS, thì đương sự là người từ đủ mười tám tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự, trừ trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc pháp luật có quy định khác; đương sự là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi đã tham gia lao động theo hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự bằng tài sản của mình thì được tự mình tham gia tố tụng về những việc có liên quan đến quan hệ lao động hoặc quan hệ dân sự đó. Toà án có quyền triệu tập người đại diện hợp pháp của họ tham gia tố tụng. Đối với các trường hợp khác việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ do người đại diện hợp pháp của họ thực hiện;

+ Từ Điều 58 đến Điều 62 BLTTDS quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của đương sự. Trong đó, có nhiều vấn đề lần đầu tiên được quy định trong BLTTDS như các đương sự có các quyền, nghĩa vụ tố tụng ngang nhau; yêu cầu cá nhân, tổ chức

đang lưu giữ, quản lý, bảo quản chứng cứ cung cấp cho mình để giao nộp cho toà án; đề nghị toà án xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án trong trường hợp tự mình không thể thực hiện được; khiếu nại với viện kiểm sát về việc toà án xác minh, thu thập chứng cứ; được ghi chép và sao chụp các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác xuất trình hoặc do toà án thu thập; nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; phát hiện và thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật.

- Về người đại diện của đương sự, BLTTDS quy định một số điểm mới sau:

+ Người đại diện theo pháp luật trong tố tụng dân sự bao gồm cả cá nhân, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (khoản 2 Điều 73).

+ Người không được tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho đương sự bao gồm cả người đã là đương sự trong cùng vụ án với người được đại diện hoặc đã là người đại diện cho một đương sự khác trong cùng vụ án với người được đại diện mà quyền và lợi ích của họ đối lập với quyền, lợi ích của người được đại diện (Điều 75);

+ Việc chấm dứt đại diện trong tố tụng dân sự và hậu quả của việc chấm dứt đại diện trong tố tụng dân sự (Điều 77, 78).

- Về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, BLTTDS quy định một số điểm mới sau:

+ Khoản 1 Điều 63 BLTTDS quy định: *"Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*

*của đương sự là người được đương sự nhờ và toà án chấp nhận để tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự"*;

+ Khoản 1 Điều 64 BLTTDS quy định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được tham gia phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm nếu toà án xét thấy cần thiết;

+ Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 64 BLTTDS quy định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền xác minh, thu thập, chứng cứ và cung cấp chứng cứ cho toà án; được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án; tham gia việc hoà giải; tranh luận tại phiên toà hoặc có văn bản bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; giúp đương sự về mặt pháp luật liên quan đến việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Về người làm chứng, BLTTDS quy định một số điểm mới sau:

+ Ngoài việc quy định về định nghĩa người làm chứng, BLTTDS còn quy định phạm vi những người không được làm chứng trong vụ án như người mất năng lực hành vi dân sự (Điều 65).

+ Điều 66 BLTTDS quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của người làm chứng. Theo đó, người làm chứng có các quyền và nghĩa vụ như cung cấp toàn bộ những thông tin, tài liệu, đồ vật mà mình có được liên quan đến vụ án; khai báo trung thực những tình tiết mà mình biết được về vụ án và chịu

trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường thiệt hại do lời khai báo sai sự thật gây thiệt hại cho đương sự hoặc người khác; phải có mặt theo giấy triệu tập của toà án, trường hợp người làm chứng không đến phiên toà mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc xét xử thì có thể bị hội đồng xét xử quyết định dẫn giải đến phiên toà; được từ chối khai báo nếu lời khai của mình liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư hoặc việc khai báo có ảnh hưởng xấu, bất lợi cho đương sự là người có quan hệ thân thích với mình; được nghỉ việc trong thời gian toà án triệu tập hoặc lấy lời khai, nếu làm việc trong tổ chức, doanh nghiệp; được hưởng các khoản phí đi lại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu toà án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình khi tham gia tố tụng; khiếu nại hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Người làm chứng phải cam đoan trước toà án về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, trừ người làm chứng là người chưa thành niên. Nếu khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc từ chối khai báo hoặc được toà án triệu tập mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Về người giám định, BLTTDS quy định một số điểm mới sau:

+ Điều 67 BLTTDS quy định người giám định do các bên đương sự thoả thuận

lựa chọn hoặc được toà án trưng cầu theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự.

+ Điều 68 BLTTDS đã quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của người giám định. Theo quy định này, người giám định có các quyền, nghĩa vụ đọc các tài liệu có trong hồ sơ vụ án liên quan đến đối tượng giám định; yêu cầu toà án cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giám định; đặt câu hỏi đối với người tham gia tố tụng về những vấn đề có liên quan đến đối tượng giám định; phải có mặt theo giấy triệu tập của toà án, trả lời những vấn đề liên quan đến việc giám định và kết luận giám định một cách trung thực, có căn cứ, khách quan; phải thông báo bằng văn bản cho toà án biết về việc không thể giám định được do việc cần giám định vượt quá khả năng chuyên môn, tài liệu cung cấp phục vụ cho việc giám định không đủ hoặc không sử dụng được; phải bảo quản tài liệu đã nhận và gửi trả lại toà án cùng với kết luận giám định hoặc cùng với thông báo về việc không thể giám định được; không được tự mình thu thập tài liệu để tiến hành giám định, tiếp xúc với những người tham gia tố tụng khác nếu việc tiếp xúc đó làm ảnh hưởng đến kết quả giám định; không được tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết khi tiến hành giám định hoặc thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp thẩm phán quyết định trưng cầu giám định; được hưởng các khoản phí đi lại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; phải cam đoan trước toà án về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; phải từ chối

tham gia tố tụng trong những trường hợp pháp luật quy định. Người giám định từ chối kết luận giám định mà không có lý do chính đáng hoặc kết luận giám định sai sự thật hoặc khi được toà án triệu tập mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

+ Điều 71, 72 BLTTDS quy định rõ thủ tục thay đổi người giám định. Theo đó, việc từ chối giám định hoặc đề nghị thay đổi người giám định trước khi mở phiên toà phải được lập thành văn bản nêu rõ lý do của việc từ chối hoặc đề nghị thay đổi. Việc từ chối giám định hoặc đề nghị thay đổi người giám định tại phiên toà phải được ghi vào biên bản phiên toà (Điều 71). Trước khi mở phiên toà, việc thay đổi người giám định do chánh án toà án quyết định. Tại phiên toà, việc thay đổi người giám định do hội đồng xét xử quyết định sau khi nghe ý kiến của người bị yêu cầu thay đổi. Hội đồng xét xử thảo luận tại phòng nghị án và quyết định theo đa số (Điều 72).

- Về người phiên dịch, BLTTDS quy định một số điểm mới sau:

+ Người phiên dịch tham gia tố tụng theo sự thoả thuận lựa chọn của các bên đương sự và được toà án chấp nhận hoặc tham gia tố tụng theo yêu cầu của toà án (Điều 69).

+ Người đại diện hoặc người thân thích của đương sự là người câm, người điếc nếu biết được dấu hiệu của họ cũng có thể được toà án chấp nhận là người phiên dịch cho người câm, người điếc đó (Điều 70).

+ Điều 70 BLTTDS quy định cụ các

quyền, nghĩa vụ của người phiên dịch. Theo quy định này, người phiên dịch có quyền, nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của toà án; phải phiên dịch trung thực, khách quan, đúng nghĩa; đề nghị người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng giải thích thêm lời nói cần phiên dịch; không được tiếp xúc với những người tham gia tố tụng khác nếu việc tiếp xúc đó làm ảnh hưởng đến tính trung thực, khách quan, đúng nghĩa khi phiên dịch; được hưởng các khoản phí đi lại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; phải cam đoan trước toà án về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Nếu người phiên dịch cố ý dịch sai sự thật hoặc khi được toà án triệu tập mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

+ Điều 71, 72 BLTTDS quy định cụ thể thủ tục thay đổi người phiên dịch như người giám định.

Trên đây là một số ý kiến trao đổi về những quy định của chế định cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự trong BLTTDS. Những quy định này cũng như phần lớn các quy định của các chế định tố tụng dân sự khác lần đầu tiên mới được quy định trong BLTTDS nên cần phải có thời gian nhận thức, kiểm nghiệm. Tuy vậy, qua việc nghiên cứu chúng tôi thấy tuy còn một số điểm bất cập nhưng nhìn chung các quy định này tương đối rõ ràng, cụ thể nên sẽ thuận tiện cho việc thực hiện./.